TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 64/2020/HS - ST
Ngày 15 và 22-5-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V N

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Thịnh Quang Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Xuân Đính

Bà Ngô Thị Yêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Thanh - Kiểm sát viên

Trong các ngày 15 và 22/5/2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 59/2020/TLST - HS ngày 23 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2020/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Thị V**, sinh năm:1982 tại: huyện Đ, thành phố Hà Nội; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Khu 5, thôn L, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 5/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Con ông: Nguyễn Hữu D và con bà: Nguyễn Thị A; Chồng: Đỗ Đình B - Có 03 con lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không;. Bắt tạm giữ, tạm giam: Không. Hiện nay đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **La Văn C**, sinh năm:1990 tại: huyện T, tỉnh Thái Nguyên; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Xóm 7, xã V, huyện T, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Con ông: La Quý M (đã chết) và con bà: Trần Thị C; vợ: Trần Thị T1 - Có 02 con lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2014; Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 05/3/2019, Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Đánh bạc. Thời hạn thử thách là 16 tháng kể từ ngày tuyên án. Tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/12/2019 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Phạm Văn Q**, sinh năm:1990 tại: huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn 4, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân

tộc: Kinh; Con ông: Phạm Thăng L và con bà: Đoàn Thị Y; Tiền sự: Không; Tiền án: Không. Bắt tạm giữ từ ngày 30/12/2019 đến ngày 02/01/2020 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Nguyễn Văn N**, sinh năm:1988 tại: huyện T, tỉnh Hưng Yên; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn C, xã D, huyện T, tỉnh Hưng Yên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Con ông: Nguyễn Văn K và con bà: Chu Thị H; Vợ: Chu Thị T2 – Có 01 con sinh năm 2015; Tiền sự: Không; Tiền án: Không. Bắt tạm giữ từ ngày 30/12/2019 đến ngày 02/01/2020 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: **Trần Văn P**, sinh năm:1988 tại: huyện T, tỉnh Thái Nguyên; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Xóm 7, xã V, huyện T, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Con ông: Trần Văn P1 và con bà: Đào Thị B1; Tiền sự: Không; Tiền án: Không. Bắt tạm giữ từ ngày 30/12/2019 đến ngày 02/01/2020 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: **Kiều Văn T**, sinh năm:1988 tại: huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn K, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Con ông: Kiều Văn M1 và con bà: Nguyễn Thị T3; Tiền sự: Không; Tiền án: Không. Bắt tạm giữ từ ngày 30/12/2019 đến ngày 02/01/2020 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

7. Họ và tên: **Trần Văn S**, sinh năm:1995 tại: huyện T, tỉnh Thái Nguyên; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn L, xã N, huyện T, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Sán Dìu; Con ông: Trần Quốc T3 và con bà: Trần Thị L; Tiền sự: Không; Tiền án: Không. Bắt tạm giữ từ ngày 30/12/2019 đến ngày 02/01/2020 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 22^{h}00’ ngày 29/12/2019, tổ công tác Công an xã T thuộc Công an huyện Đ làm nhiệm vụ trên địa bàn Khu 5, Thôn L, xã T, huyện Đ, Hà Nội thì phát hiện tại tầng 2 nhà của Nguyễn Thị V có Nguyễn Văn N, La Văn C, Trần Văn S, Trần Văn P, Kiều Văn T, Phạm Văn Q đang đánh bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình thức đánh “3 cây”. Tổ công tác thu giữ tại chiếu bạc số tiền 8.000.000 đồng; 01 bộ bài tú lơ khơ 36 quân bài, 01 chiếu nhựa. Ngoài ra còn có anh Phạm Trần V (Sinh năm: 1992; HKTT: Thôn C, xã T, huyện Đ, Hà Nội) đang ngồi xem đánh bạc, anh Đỗ Đình B (sinh năm 1977; trú tại: Khu 5 Thôn L, xã T, huyện Đ, Hà Nội – chồng chị V) đang ngủ

trong phòng. Tổ Công tác lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đưa người và vật chứng về trụ sở làm rõ.

- Cơ quan điều tra thu giữ:

+ Của Phạm Văn Q: Số tiền 2.000.000đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đen, đã qua sử dụng bên trong lắp thẻ sim số thuê bao 0355164882, số IMEL 1: 860163044440696, IMEI 2: 860163044440688.

+ Của Kiều Văn T: Số tiền 4.900.000đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu đen bạc đã qua sử dụng bên trong lắp thẻ sim số thuê bao 0974523090, số IMEI: 354448069259953.

+ Của Trần Văn P: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphoine 5, màu đen đã qua sử dụng, bên trong có lắp 01 (một) thẻ sim số thuê bao 0342397678, số IMEI: 35567707241095.

+ Của La Văn C: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S đã qua sử dụng, màu vàng Gold, bên trong lắp thể sim số thuê bao 0968828688.

+ Của Trần Văn S: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 vỏ màu hồng đã qua sử dụng, bên trong lắp thẻ sim số 0375238959 và 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA, màu xanh bạc loại xe EXCITER biển kiểm soát 89E1 – 31599. Số khung 145935, số máy 158542.

Kết quả điều tra xác định:

Nguyễn Thị V có cửa hàng bán tạp hóa và kinh doanh bàn bi –a tại nhà riêng ở khu 5, Thôn L, xã T, huyện Đ, Hà Nội. V quen N, S, Q, P, T và C là công dân địa phương khác đến làm thuê tại xã T, huyện Đ, Hà Nội, do các bị can thường đến cửa hàng nhà V chơi bi – a. Nhằm mục đích bán được nhiều hàng, thu hút người khác đến chơi nên bị can V này sinh ý định cho các bị can này đánh bạc trái phép tại tầng 2 nhà riêng của mình khi có nhu cầu.

Khoảng 20h00 ngày 29/12/2019, các bị can P và C đến nhà bị can V chơi bi a. Một lúc sau thì các bị can N, Q, T và Sơn đến quán ngồi uống nước. Đến khoảng 21h00 cùng ngày, bị can N rủ các bị can P, C, T, Q, Sơn lên tầng 2 nhà bị can V đánh bạc "3 cây" ăn tiền, các bị can đồng ý. Bị can V đang trông quán, biết các bị can N, P, C, T, Q, Sơn rủ nhau đánh bạc nhưng không can ngăn mà đồng ý cho các bị can đánh bạc để nhằm bán được hàng. Bị can N lấy bộ bài tú lơ khơ trong tủ kính nhà bị can V làm công cụ đánh bạc. Bị can C bóc và lọc bài tú lơ khơ bỏ các cây bài bộ 10, bộ J, bộ Q, bộ K chỉ lấy các cây bài từ bộ át đến bộ 9.

Các bị can thống nhất đánh bạc dưới hình thức 3 cây ăn tiền, đặt cược thấp nhất số tiền 100.000 đồng, cao nhất do người cầm chương quy định. Người chơi đặt cược tiền và bốc cái để được chia cây bài đầu tiên và lần lượt chương chia bài theo chiều kim đồng hồ, mỗi người chơi ba cây. Người chơi lên bài, cộng tổng điểm ba cây bài được 10 hoặc 20 thì điểm tính là 10 điểm; Nếu cộng ba cây bài mà tổng từ 21 đến 27 và tổng của ba cây bài từ 11 đến 19 thì lấy số hàng đơn vị của tổng làm điểm bài ba cây; Nếu mà tổng ba cây bài dưới 9 thì bài được bao nhiêu điểm chính là điểm mang ra so của bài. Căn

cứ vào điểm của từng người chơi so với điểm của bài người làm chương để tính thắng thua, ai cao điểm hơn sẽ thắng.

Nếu bài cùng điểm thì so chất của 3 cây, chất được tính theo rô, cơ, bích, tép; Khi có cùng chất thì so tới độ lớn của cây bài cùng chất, lớn nhất là cây át, tiếp đến là cây 9,8,7,6,5,4,3 và 2. Căn cứ vào điểm của bài mỗi người chơi tính thắng thua với bài người làm chương để trả thưởng theo tỷ lệ 1/1. Nếu người chơi có ván bài 10 điểm thì được làm chương ván tiếp theo và được trả thưởng gấp đôi số tiền đã đặt cược. Người chơi không ai được 10 điểm thì người làm chương tiếp tục làm chương như đã quy định.

Ban đầu mỗi người chơi bốc mỗi người một cây bài để xác định người làm chương đầu tiên và bị can Q được làm chương đầu tiên. Bị can Q rủ bị can T chung số tiền 1.000.000 đồng để cùng làm chương ,bị can T đồng ý.

Các bị can chơi 05 cửa gồm các bị can Q, Sơn, N ,Phòng và bị can C. Bị can T ngồi giúp bị can Q giam tiền thắng thua cho các con bạc. Khi các bị can đang đánh bạc thì anh Phạm Trần V đến nhà bị can V chơi uống nước thì bị can V nhờ bê 06 chai nước lên tầng 2 cho các bị can đang đánh bạc, bị can V đi phía sau mang bỏng ngô, chuối và táo. Bị can V thấy các bị can Q, P, C, Sơn, N đang đánh bạc nên nói "mấy đứa cho chị xin mỗi đứa 50.000 đồng tiền nước". Bị can C và N mỗi người nộp 50.000 đồng cho bị can V. Bị can Q, P và Sơn chưa có tiền lẻ nên nói "cho em nợ, lát em đưa sau vì không có tiền lẻ", bị can V đồng ý và cầm số tiền 100.000 đồng xuống tầng 1 và đi sang nhà bố mẹ đẻ ở khu 7, Thôn L, xã T, huyện Đ, Hà Nội chơi.

Về số tiền và cách thức các bị can sử dụng đánh bạc:

- Bị can Nguyễn Thị V khai cho các bị can Q, N, P, Sơn, T và C đánh bạc nhằm thu lợi nhuận từ bán nước và đồ ăn. Bị can đã thu của C, N mỗi người 50.000 đồng và đã tiêu sài hết.

- Bị can Nguyễn Văn N khai có 1.000.000 đồng sử dụng để đánh bạc, đã nộp cho bị can V 50.000 đồng. Khi bị bắt bị can đang thắng số tiền 200.000 đồng. Số tiền thu được của bị can N là 1.150.000 đồng.

- Bị can La Văn C khai có 1.200.000 đồng sử dụng để đánh bạc, đã nộp 50.000 đồng ch bị can V. Khi bị bắt, C bị thua 200.000 đồng. Số tiền bị thu giữ trên chiếu của bị can C là 950.000 đồng.

- Bị can Trần Văn S khai có 500.000 đồng sử dụng để đánh bạc. Khi bị bắt, bị can Sơn thua 100.000 đồng. Số tiền bị thu giữ trên chiếu của bị can Sơn là 400.000 đồng.

- Bị can Trần Văn P khai có 2.500.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc. Khi bị bắt, bị can P thua 1.400.000 đồng. Số tiền bị thu giữ trên chiếu của bị can P là 1.100.000 đồng

- Bị can Kiều Văn T có 4.900.000 đồng sử dụng để đánh bạc và đồng ý góp số tiền 1.000.000 đồng với Q để làm chương nhưng chưa kịp đưa tiền vì Q ứng trước. Khi bị bắt, bị can T và Q đang thắng 4.300.000 đồng

- Bị can Phạm Văn Q khai có 2.000.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc, rủ bị can T góp 1.000.000 đồng để làm chương. Khi bị bắt T và Q đang thắng 4.300.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền các bị can sử dụng để đánh bạc là 14.900.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, các bị can Nguyễn Thị V, Nguyễn Văn N, Trần Văn P, Kiều Văn T, La Văn C, Trần Văn S và Phạm Văn Q khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được. Do vậy đủ căn cứ xác định các bị can phạm tội Đánh bạc.

Đối với anh Đỗ Đình B, quá trình điều tra xác định việc bị can V cho các con bạc tham gia đánh bạc tại nhà anh Bình không biết, không được hưởng lợi từ việc đánh bạc nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với anh Phạm Trần V đến nhà bị can V uống nước gặp nhóm đánh bạc nên ngồi xem. Anh V được bị can V nhờ bê nước giúp nhưng không được hưởng lợi gì, không có bàn bạc với bị can V nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với 05 chiếc điện thoại, 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha màu xanh bạc BKS: 89E1 – 315.99 thu giữ của các bị can Trần Văn P, Kiều Văn T, La Văn C, Trần Văn S và Phạm Văn Q. Quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của các bị can, không sử dụng vào mục đích đánh bạc, ngày 02/3/2020 Cơ quan CSĐT – Công An huyện Đông Anh ra quyết định xử lý vật chứng trao trả cho các chủ sở hữu.

Đối với số tiền 14.900.000 đồng, 01 bộ bài tú lơ khơ (36 quân bài), 01 chiếu, 01 chiếu nhựa màu xanh kích thước (1,6x2)m thu giữ tại chiếu bạc và trên người các con bạc tham gia đánh bạc là vật chứng vụ án cần tiếp tục tạm giữ chuyển Tòa án Đông Anh giải quyết theo thẩm quyền.

Tại bản cáo trạng số 57/CT -VKSĐA ngày 16/4/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh đề nghị truy tố Nguyễn Thị V và đồng phạm về tội: "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội giữ quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích nội dung, tính chất của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng:

* Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1; Điều 65 Bộ luật hình sự; và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo V, T, Q. Xử phạt:

+ Nguyễn Thị V từ 8 tháng đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách từ 16 đến 20 tháng.

+ Kiều Văn T từ 7 tháng đến 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách từ 14 đến 18 tháng.

+ Nguyễn Văn N từ 7 tháng đến 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách từ 14 đến 18 tháng.

+ Phạm Văn Q từ 6 tháng đến 8 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách từ 12 đến 16 tháng.

+ Trần Văn P từ 6 tháng đến 8 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách từ 12 đến 16 tháng.

+ Trần Văn S từ 6 tháng đến 8 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách từ 12 đến 16 tháng.

* Khoản 1 Điều 321; Điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38, 56 Bộ luật hình sự. Xử phạt:

+ La Văn C từ 8 tháng đến 10 tháng tù. Tổng hợp hình phạt 8 tháng tù nhưng cho hưởng án treo của Bản án số 64/2019/HSST ngày 05/3/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 16 đến 18 tháng tù.

- Không áp dụng bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng: Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ (36 quân bài), 01 chiếu nhựa màu xanh kích thước (1,6x2)m thu giữ tại chiếu bạc; Tịch thu sung công số tiền số tiền 14.900.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc và của các bị cáo.

* Các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu. Các bị cáo đều ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Anh; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát đã thực hiện đúng, đủ quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Các bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận: Khoảng 20h00’ ngày 29/12/2019, các bị cáo Nguyễn Văn N, Trần Văn P, Kiều Văn T, La Văn C, Trần Văn S và Phạm Văn Q đã có hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh ba cây ăn tiền tại nhà Nguyễn Thị V, bị cáo Nguyễn Thị V biết việc các bị cáo đánh bạc tại nhà nhưng vẫn để cho các bị cáo đánh bạc và đã thu 100.000đ tiền nước của các bị cáo tại khu 5, Thôn L, xã T, huyện Đ, Hà Nội và bị Công An Đông Anh bắt quả tang. Tổng số tiền các bị can sử dụng để đánh bạc là 14.900.000 đồng. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng, biên bản tạm giữ vật chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Do đó, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ để kết luận: Các bị cáo Nguyễn Văn N, Trần Văn P, Kiều Văn T, La Văn C, Trần Văn S và Phạm Văn Q đã phạm tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo Nguyễn Thị V tuy không tham gia đánh bạc cùng các bị cáo Nguyễn Văn N, Trần Văn P, Kiều Văn T, La Văn C, Trần Văn S và Phạm Văn Q nhưng bị cáo biết việc các bị cáo đánh bạc và cho các con bạc đánh tại nhà nhằm bán nước thu lời nên bị cáo V cũng đồng phạm với các bị cáo về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh đã truy tố các bị cáo là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

Vụ án có đồng phạm, nhưng không có tổ chức và có tính chất giản đơn vì không có sự cấu kết chặt chẽ giữa các bị cáo. Bị cáo V là chủ nhà biết các bị cáo đánh bạc mà vẫn để cho đánh bạc nhằm thu lợi nên có vai trò cao nhất. Bị cáo N là người rủ rê mọi người đánh bạc, bị cáo Q, T đều mang số tiền nhiều để đánh bạc do đó có vai trò ngang nhau. Còn các bị cáo P, C, Sơn chỉ là các con bạc tham gia đánh bạc nên có vai trò thấp hơn ngang nhau.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ xác định: Các bị cáo Nguyễn Thị V, Nguyễn Văn N, Trần Văn P, Kiều Văn T, Trần Văn S và Phạm Văn Q không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đối với bị cáo C đã có 1 tiền án về tội đánh bạc chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này là tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Thị V, Nguyễn Văn N, Trần Văn P, Kiều Văn T, Trần Văn S và Phạm Văn Q đều phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ thuộc điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo La Văn C thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo, hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của UBND xã v, bị cáo có ông ngoại có công với cách mạng và được tặng thưởng huân chương kháng chiến. Bị cáo Kiều Văn T có ông nội, ông ngoại là liệt sỹ; Bị cáo Phạm Văn Q có ông nội tham gia kháng chiến và được tặng thưởng huân chương; Bị cáo Nguyễn Thị V có ông nội tham gia kháng chiến và được tặng thưởng huân chương, bố đẻ là người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc màu da cam nên các bị cáo được hưởng tình tiết quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; căn cứ nhân thân của các bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử nhận thấy, các bị cáo Nguyễn Thị V, Nguyễn Văn N, Trần Văn P, Kiều Văn T, Trần Văn S và Phạm Văn Q có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, các bị cáo phạm tội mang tính chất cơ hội, giản đơn nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà để cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục thành công dân tốt và thể hiện sự nhân đạo của pháp luật và phù hợp với Điều 65 Bộ luật hình sự . Bị cáo La Văn C phạm tội lần này là tái phạm và trong thời gian thử thách bản án, do đó, thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục bị cáo và buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án này với

hình phạt 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo của Bản án số 64/2019/HSST ngày 05/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Như vậy, bị cáo V phải chịu mức án cao nhất so với các bị cáo, còn các bị cáo Nguyễn Văn N, Trần Văn P, Kiều Văn T, Trần Văn S và Phạm Văn Q, La Văn C phải chịu như mức án của Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét, bị cáo La Văn C thuộc đối tượng hộ cận nghèo, gia đình khó khăn, con bị cáo đang mắc bệnh hiểm nghèo nên không phạt tiền đối với bị cáo. Đối với các bị cáo Nguyễn Thị V, Nguyễn Văn N, Trần Văn P, Kiều Văn T, Trần Văn S và Phạm Văn Q cần phải áp dụng hình phạt tiền ở mức khởi điểm là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự.

[5] Về vật chứng vụ án: 01 bộ bài tú lơ khơ (36 quân bài), 01 chiếu, 01 chiếu nhựa màu xanh kích thước (1,6x2)m thu giữ tại chiếu bạc là vật chứng của vụ án nên cần tịch thu tiêu hủy; số tiền 14.900.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc của các bị cáo nên cần tịch thu sung công.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm

[7] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thị V, Nguyễn Văn N, Trần Văn P, Kiều Văn T, La Văn C, Trần Văn S và Phạm Văn Q đã phạm tội "Đánh bạc".

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị V và Phạm Văn Q, Kiều Văn T.

- Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn N, Trần Văn P, Trần Văn S

- Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 và Điều 56 Bộ luật hình sự đối với bị cáo La Văn C.

- Điều 47, khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Xử Phạt:

1.1. Nguyễn Thị V 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 tháng, kể từ ngày tuyên án.

1.2. Kiều Văn T 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 tháng, kể từ ngày tuyên án.

1.3. Nguyễn Văn N 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 tháng, kể từ ngày tuyên án.

1.4. Phạm Văn Q từ 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 16 (mười sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án.

1.5. Trần Văn P từ 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 16 (mười sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án.

1.6 .Trần Văn S từ 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng, kể từ ngày tuyên án.

1.7. La Văn C 08 (Tám) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 08 tháng tù của bản án này với hình phạt 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo nay chuyển thành hình phạt tù của Bản án số 64/2019/HSST ngày 05/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 16 (Mười sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/12/2019.

- Giao bị cáo Nguyễn Thị V cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của bản án.

- Giao bị cáo Phạm Văn Q cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của bản án.

- Giao bị cáo Nguyễn Văn N cho Ủy ban nhân dân xã D, huyện T, tỉnh Hưng Yên giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của bản án.

- Giao bị cáo Trần Văn P cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Thái Nguyên giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của bản án.

- Giao bị cáo Kiều Văn T cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của bản án.

- Giao bị cáo Trần Văn S cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Thái Nguyên giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của bản án.

Trường hợp các bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Nguyễn Thị V, Nguyễn Văn N, Trần Văn P, Kiều Văn T, Trần Văn S và Phạm Văn Q mỗi bị cáo 10.000.000đ để sung công quỹ Nhà nước. Không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo La Văn C.

3. Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ (36 quân bài), 01 chiếu nhựa màu xanh kích thước (1,6x2)m thu giữ tại chiếu bạc (*Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/4/2020 giữa Công an huyện Đông Anh và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh)*; Tịch thu sung công số tiền số tiền 14.900.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc và của các bị cáo *(Theo Giấy nộp tiền vào tài khoản lập ngày 17/4/2020 của Công an huyện Đông Anh).*

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

5. Án xử công khai sơ thẩm; Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Thịnh Quang Thắng

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Đông Anh;*
- *VKSND TP. Hà Nội;*
- *Cơ quan THA huyện Đông Anh;*
- *Công an huyện Đông Anh.*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *Lưu./.*